

VAI TRÒ CỦA TỔ HỢP TÁC TRONG PHÁT TRIỂN SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA NGƯỜI KHMER TẠI HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

● ĐỖ THỊ NGÂN

TÓM TẮT:

Các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp bao gồm các nhóm đồng sở thích, tổ hợp tác (THT), THT và hợp tác xã (HTX). Trong đó, THT và HTX là 2 hình thức đã được Nhà nước ban hành cơ sở pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nhằm liên kết những người sản xuất có quy mô nhỏ lẻ lại với nhau để nâng cao hiệu quả sản xuất và góp phần gia tăng thu nhập. Bằng phương pháp tổng quan, phân tích tài liệu và khảo sát định tính, bài viết cho thấy THT đang đóng vai trò tích cực trong phát triển sinh kế bền vững của người Khmer tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Từ khóa: người Khmer, tổ hợp tác, tỉnh Trà Vinh.

1. Đặt vấn đề

Trà Vinh là một trong những tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu. Phần lớn diện tích đất của tỉnh Trà Vinh bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn, cuối nguồn nước ngọt, cơ cấu kinh tế nội ngành chuyển dịch chậm, thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm, thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản luôn gặp khó khăn và giá bán ở mức thấp; ngân sách của tỉnh còn nhiều khó khăn nên nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới chưa mang lại kết quả cao (UBND tỉnh Trà Vinh, 2018).

Theo kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở

của Tổng cục Thống kê (2019), tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm 32,24% trong tổng dân số của tỉnh Trà Vinh, bao gồm 3 dân tộc chính là: dân tộc Hoa, dân tộc Khmer và dân tộc Chăm. Trong đó, người Khmer chiếm 97,9% trong tổng số người dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn. Đến cuối năm 2019, toàn tỉnh Trà Vinh có 9.214 hộ nghèo, chiếm 3,22% so với tổng số hộ dân cư; hộ nghèo dân tộc người Khmer còn 5.394 hộ, chiếm 6,05% so với tổng số hộ đồng bào dân tộc Khmer; hộ cận nghèo còn 19.474 hộ, chiếm 6,8% (UBND tỉnh Trà Vinh, 2020b). Trà Vinh cũng là tỉnh có tỷ lệ số xã có người dân tộc thiểu số sinh sống và các xã đặc biệt khó khăn cao, với 59/106 xã, chiếm 55,6% tổng số

xã của tỉnh, trong đó có 44 xã thuộc khu vực I và 15 xã thuộc khu vực III theo tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 (Chính phủ, 2020; Chính phủ, 2021).

Bên cạnh đó, trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan, kết hợp với những tác động của các yếu tố về kinh tế - xã hội khiến cho nhóm người dân tộc thiểu số ở tỉnh Trà Vinh có thể rơi vào nhóm dễ bị tổn thương nhất. Do vậy, vai trò của các tổ, nhóm sản xuất trong việc liên kết nguồn lực, hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển sinh kế ngày càng có ý nghĩa.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để phân tích hiện trạng phát triển và tìm hiểu về vai trò của THT trong phát triển bền vững sinh kế của người Khmer tại tỉnh Trà Vinh. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể bao gồm: Phương pháp thu thập tài liệu - số liệu và phương pháp thu thập thông tin định tính. Kết quả của bài viết là quá trình triển khai các cuộc phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm của tác giả với người Khmer là thành viên của các THT, Tổ trưởng và các bên có liên quan như chính quyền địa phương, HTX/ THT đang hoạt động trên địa bàn và các tổ chức chính trị xã hội năm 2022 tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Từ đó, bài viết phân tích các nguồn lực sinh kế của người dân, hiện trạng và vai trò của THT trong phát triển sinh kế của người Khmer tại địa bàn nghiên cứu.

3. Tổng quan về chính sách tổ hợp tác và vai trò của tổ hợp tác trong phát triển sinh kế của người Khmer tỉnh Trà Vinh

3.1. Các chính sách hỗ trợ phát triển tổ hợp tác cấp Trung ương và địa phương

Hiện nay, bên cạnh việc phát triển HTX, mô hình THT đang được tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ, bởi cùng với HTX, THT cũng sẽ là "bà đỡ" cho kinh tế hộ, từng bước cải thiện đời sống người nông dân, góp phần quan trọng trong xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày

18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, trong 20 năm qua, Hội nông dân tỉnh đã phối hợp với các ngành liên quan tổ chức 51.202 cuộc tuyên truyền những kiến thức về Nghị quyết số 13, Luật Hợp tác xã năm 2012, quy trình thành lập HTX, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất cho trên 1,611 triệu lượt hội viên nông dân, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, hội viên và nông dân về việc hợp tác cùng sản xuất một loại sản phẩm với số lượng lớn, chất lượng đồng nhất để liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Nghị định số 77/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 10/10/2019 về THT (Nghị định số 77) đã góp phần hoàn thiện về cơ chế, chính sách cho các THT hoạt động theo kịp sự vận động chung của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay, bởi các THT đóng vai trò quan trọng vào việc nâng cao năng lực kinh tế hộ gia đình, từng bước cải thiện đời sống người nông dân, góp phần quan trọng trong việc xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Nghị quyết 20-NQ/TW (2022) đặt mục tiêu đến năm 2030, cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên.

Từ các mô hình kinh tế, hàng năm các cấp Hội nông dân trong tỉnh Trà Vinh đã phối hợp vận động hội viên, nông dân tham gia vào 2.009 tổ hợp tác, HTX nông nghiệp với 34.206 thành viên. Ngoài ra, từ nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương ủy thác và ngân sách tỉnh, huyện đối ứng, các cấp cơ sở Hội nông dân đã đầu tư trên 38 tỷ đồng vào các mô hình THT cùng sản xuất một loại sản phẩm, nhóm cùng sở thích từng bước hình thành HTX để phát triển phong trào kinh tế tập thể.

3.2. Hiện trạng phát triển của các tổ hợp tác tại tỉnh Trà Vinh

Sinh kế của người Khmer tỉnh Trà Vinh chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, nghề thủ

công truyền thống, một bộ phận làm kinh doanh, dịch vụ, mua bán nhỏ, công nhân lao động ở các công ty, xí nghiệp trong và ngoài tỉnh. Người Khmer tỉnh Trà Vinh là nhóm có hệ ngôn ngữ, chữ viết và phong tục tập quán riêng. Theo kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số cho thấy nguồn vốn con người của người Khmer khá yếu so với cộng đồng người dân tộc thiểu số nói chung. Cụ thể: tỷ lệ người Khmer từ 15 tuổi trở lên phân theo trình độ giáo dục cao nhất thì tỷ lệ người Khmer có trình độ dưới tiểu học là 35,1%, tiểu học là 35,9%, trung học cơ sở là 19,4% và trung học phổ thông là 5,6% (tỷ lệ chung của nhóm người dân tộc thiểu số lần lượt là 25,6%, 26,1%, 28,1% và 11,1%) (Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê, 2020).

Tính đến tháng 12/2019, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có 1.897 tổ hợp tác, đứng thứ 2 ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long về số lượng THT đang hoạt động trên địa bàn (Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có nhiều THT nhất trên cả nước, có 13.791/33.400, chiếm 52% tổng số THT) (Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, 2019).

Bên cạnh đó, có rất nhiều THT trong sản xuất nông nghiệp và kinh doanh đã và đang hoạt động đã tạo thành một mạng lưới hỗ trợ người dân trong tiếp cận thông tin, tiếp cận các nguồn cung ứng đầu vào, thị trường cho các sản phẩm của các hộ gia đình tại địa phương. Tuy nhiên, nhiều tổ, nhóm sản xuất được thành lập khi có các dự án thực hiện, hoạt động bề nổi, chưa gắn với lợi ích thiết thực và bền vững với các thành viên, do vậy số THT tan rã sau khi dự án kết thúc chiếm tỷ lệ cao. Xu hướng này vẫn tiếp tục diễn ra ở giai đoạn 2021-2022, khi cả số lượng THT và thành viên đều giảm so với cùng kỳ (Bảng 1).

4. Vai trò của tổ hợp tác trong phát triển sinh kế bền vững người Khmer tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

Thứ nhất, THT đóng vai trò cầu nối giữa người dân với doanh nghiệp. Với các doanh nghiệp hộ gia đình tại địa bàn được hỗ trợ bằng hình thức hợp tác công tư với cam kết tạo việc làm cho người nghèo và hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho người dân. Bên cạnh đó, người dân có thể “mua thiếu” giống từ các doanh nghiệp này mà không phải chịu mức lãi cao như các đại lý khác tại địa

Bảng 1. Tình hình hoạt động của các tổ hợp tác tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

Năm 2021	Năm 2022
<p>Toàn huyện có 325 THT với 6.683 thành viên, trong đó có 152 tổ sản xuất lúa chất lượng cao với 3.538 thành viên; 30 tổ nuôi thủy sản với 596 thành viên; 50 tổ trồng màu với 932 thành viên; 32 tổ chăn nuôi với 422 thành viên; 27 tổ sản xuất lúa - tôm với 329 thành viên; 24 tổ sản xuất lúa - màu với 692 thành viên; 1 tổ chăn nuôi - trồng lúa với 83 thành viên; 9 tổ khai thác thủy sản với 91 thành viên; tính trung bình 1 THT có khoảng 20 thành viên.</p> <p>Về quy mô tổ hợp tác: bình quân 1 hộ trồng lúa/ màu có diện tích đất tham gia hợp tác từ 0,5 - 0,7ha, 1 hộ nuôi thủy sản có diện tích đất tham gia hợp tác từ 0,3 - 0,5 ha mặt nước. Ước doanh thu bình quân của 1 THT là 1,5 tỷ đồng, lãi suất bình quân của 1 THT khoảng 650 triệu đồng.</p>	<p>Số lượng THT ước tính đến tháng 6/2022 trên địa bàn huyện là: 159 THT (2.771 thành viên), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số THT thành lập mới theo Nghị định 77/2019/NĐ-CP là: 22 THT, với 366 thành viên. + Số THT chuyển đổi hoạt động từ Nghị định số 151/2007/NĐ-CP sang hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP là: 125 THT, với 2.234 thành viên. + Số THT chưa thực hiện chuyển đổi sang Nghị định số 77/2019/NĐ-CP là: 12 THT, với 171 thành viên. <ul style="list-style-type: none"> - Ước doanh thu bình quân của 1 THT là 500 triệu đồng/năm. - Ước lãi bình quân của 1 THT là 25 triệu đồng. - Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong THT là 27,5 triệu đồng/người/năm.

Nguồn: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cầu Ngang, 2021 & 2022

phương. Khâu tiêu thụ sản phẩm cũng có sự ổn định tương đối khi có các doanh nghiệp này có sự liên kết với người dân trong các chuỗi sản xuất (Bảng 2).

Với sự phát triển của HTX/THT cũng như các doanh nghiệp hộ gia đình đã góp phần vào sự phát triển kinh tế chung của địa phương, tạo thêm nhiều việc làm cùng cam kết tạo điều kiện và tăng cường liên kết với nhóm hộ nghèo đã từng

bước giúp các hộ nghèo có thêm nguồn thu nhập phi nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp cũng ổn định và bền vững hơn.

Thứ hai, việc tiếp cận vốn tài chính và kiến thức về khoa học kỹ thuật, thị trường của các hộ gia đình được tăng cường thông qua kênh của THT. Điều này giúp các hộ có thêm nguồn vốn để đầu tư vào các trang thiết bị cũng như mở rộng quy mô sản xuất (Bảng 3).

Bảng 2. Liên kết giữa các doanh nghiệp địa phương và người dân

- Doanh nghiệp của hộ đi vào hoạt động từ năm 2017, trước đó thì mình làm đại lý thu mua và cung ứng giống. Mình được hưởng lợi của dự án, mình mua đậu giống ở tỉnh khác (Đắk Lắk) xong về bán hỗ trợ cho dân 1 phần hoặc là mình cho mượn tiền người ta trồng mình không lấy lãi.
- Có liên kết trên dưới 200 hộ, 4 tổ có 4 nhóm, 4 tổ liên kết, bên cạnh đó mình có liên kết với các xã ở huyện khác lân cận.
- Hộ được hưởng lợi của dự án thì hộ cũng được 1 phần nào tiền hỗ trợ tập huấn, rồi mình hỗ trợ cho họ 1 phần từ 400 triệu đối ứng cho dân, mình sử dụng tiền đấy cho họ. Ví dụ họ trồng 2 công thì họ khỏi mất công thay vì họ mua giống, giá cao lên mà mình bán giá gốc, thay vì mình bán tiền mặt 3 chục thì mình bán tới mùa cũng 3 chục hoặc là mượn không về trồng, ví dụ tiền trồng ở đây 1 công 1 ngàn m² tới 600 ngàn.
- Tổng vốn điều lệ của doanh nghiệp là hơn 900 triệu, dự án bên tỉnh hỗ trợ cho máy cắt cỏ, máy dẫn, nhà kho rồi lò sấy thủ công, rồi từ tiền đối ứng của tổ liên kết.
- Đậu phộng ở quê anh là cây trồng chủ lực của người dân, ở đây chỉ có đậu là hiệu quả nhất, ít thất thoát, lãi không cao mấy nhưng ít bị lỗ.

Tóm lược phỏng vấn sâu doanh nghiệp hộ gia đình, xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang.

Bảng 3. Khả năng tiếp cận vốn tài chính của người Khmer khi tham gia tổ hợp tác

Hỏi: Xin Anh cho biết tỷ lệ tham gia vào các loại hình THT của đồng bào Khmer trên địa bàn?

Đáp: Người Khmer tham gia các tổ khoảng 50 - 60% trên tổng số hộ người Khmer.

Hỏi: Người dân được hưởng những lợi ích gì khi tham gia THT?

Đáp: Tiếp cận THT, thành lập HTX, xã đăng ký thực hiện mô hình (mô hình mới) có những nguồn vốn hỗ trợ, hưởng lợi từ các buổi tập huấn về kỹ thuật, phát triển thị trường. Ý thức, tinh thần tham gia của người Khmer: sẵn sàng muốn tiếp cận vì thiếu vốn, mức cho vay tầm 20 triệu.

Hỏi: Những khó khăn mà người dân gặp phải khi vay vốn?

Đáp: Cũng không có khó khăn gì, ngân hàng chính sách liên hệ (xuống) tới xã, các tổ chức chính trị xã hội đúng ra xác nhận (Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên,...) là hình thức vay tín chấp

Hỏi: Vay với tư cách hộ gia đình với thành viên THT nào thuận lợi hơn?

Đáp: THT cho các tổ hội để quản lý, để thu tiền lãi theo hàng tháng.

Phỏng vấn sâu cán bộ nông nghiệp huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

5. Kết luận

Thể chế và chính sách là những yếu tố đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng hiệu quả các nguồn lực sinh kế của người Khmer tỉnh Trà Vinh. Với nghĩa chính sách là những đường lối, chủ trương và hành động nhắm đến các đối tượng cụ thể, bên cạnh các chính sách phát triển kinh tế chung của địa phương, người Khmer ở tỉnh Trà Vinh còn được thụ hưởng các chính sách dành cho người nghèo, người dân tộc thiểu số hay các chính sách dành cho các khu vực đặc biệt khó khăn.

THT là một mô hình hoạt động phù hợp với đặc điểm và trình độ của người Khmer tại tỉnh Trà Vinh. Với những chính sách đặc thù về THT như Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về THT, Nghị quyết số 20/NQ-TW năm 2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đã tạo ra những hành lang pháp lý, hỗ trợ thiết thực cho kinh tế tập thể nói chung và THT tại tỉnh Trà Vinh nói riêng. Những phân tích ở trên cho thấy, THT đã đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra những liên kết mới, những nguồn lực mới (tài chính, kỹ thuật, thị trường) cho người

Khmer tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Tuy nhiên, để các THT thực sự đóng vai trò tích cực trong phát triển sinh kế bền vững cho người Khmer, bài viết đưa ra một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất, tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 77/2019/NĐ-CP của Chính phủ về THT và các văn bản hướng dẫn liên quan đến THT; triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Trung ương, của tỉnh Trà Vinh đối với THT, nhất là các THT tại các vùng có người Khmer sinh sống.

Thứ hai, nâng cao tính phối hợp, hỗ trợ của các tổ chức kinh tế, xã hội có liên quan mật thiết với THT như HTX, Liên minh HTX, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ... tại địa phương nhằm tối đa hóa các nguồn lực cho phát triển THT.

Thứ ba, tăng cường tuyên truyền, vận động, tư vấn thành lập THT theo hướng bền vững theo Nghị định số 77 của Chính phủ; tiếp tục củng cố, hướng dẫn nghiệp vụ về nội dung, phương thức hoạt động cho các THT chưa hiệu quả, đồng thời tuyên truyền, vận động các THT hoạt động có hiệu quả, phát triển thành HTX theo Luật Hợp tác hiện hành ■

Đây là sản phẩm của Đề tài cấp cơ sở năm 2022 “Vai trò của các THT trong phát triển sinh kế bền vững của người Khmer tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh”, do ThS. Đỗ Thị Ngân làm chủ nhiệm Đề tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chính phủ (2021). *Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025*, ngày 04/6/2021.
2. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (2019). Số liệu thống kê, truy cập tại <http://dcrd.gov.vn/co-so-du-lieu.html?thoigian=201912&bieumau=bieu1b> Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Cầu Ngang (2021). Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và triển khai kế hoạch năm 2022
3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Cầu Ngang (2022). *Tình hình Hợp tác xã, THT 6 tháng đầu năm trên địa bàn huyện Cầu Ngang năm 2022*
4. UBND tỉnh Trà Vinh (2018). *Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2021, tầm nhìn đến năm 2030 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ)*.
5. UBND tỉnh Trà Vinh (2020a). *Quyết định số 3463/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 về việc Phê duyệt Báo cáo “Đánh giá khí hậu tỉnh Trà Vinh”*.

6. UBND tỉnh Trà Vinh (2020b). *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.*

7. Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê (2020). *Báo cáo Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019.*

Ngày nhận bài: 25/8/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 14/9/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/10/2022

Thông tin tác giả:

ThS. ĐỖ THỊ NGÂN

Viện Nghiên cứu phát triển bền vững Vùng

Viện Hàn lâm Khoa học - xã hội Việt Nam

THE ROLE OF COOPERATIVE GROUPS IN DEVELOPING A SUSTAINABLE LIVELIHOOD FOR KHMER PEOPLE IN CAU NGANG DISTRICT, TRA VINH PROVINCE

● Master. **DO THI NGAN**

Institute of Regional Sustainable Development

Vietnam Academy of Social Sciences

ABSTRACT:

There are some forms of cooperation and association in agricultural production including interest groups, cooperative groups and cooperatives. In which, cooperative group and cooperative are two cooperation forms that have been regulated by the state with a legal framework, creating favorable conditions for small-sized producers to cooperate with others to improve their production efficiency and income. By using methods of overview analysis, document analysis and qualitative survey, this paper points out that cooperative groups are playing an active role in developing a sustainable livelihood for Khmer people in Cau Ngang district, Tra Vinh province.

Keywords: Khmer people, cooperative group, Tra Vinh province.